

Số: /KH-UBND

Cẩm Tân, ngày tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
Sản xuất ngành trồng trọt xã Cẩm Tân năm 2025

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2024

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2024

Năm 2024, sản xuất trồng trọt diễn ra trong điều kiện thời tiết, khí hậu, có nhiều đợt nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao từ 38 – 39 độ C, biên độ nhiệt cao hơn so với trung bình nhiều năm dẫn đến hạn hán cục bộ ở một số xứ đồng không chủ động được nguồn nước tưới, có phần đã gây ảnh hưởng đến điều hành sản xuất. Tình hình sâu, bệnh hại trên cây trồng xuất hiện gây hại nhẹ đối với diện tích lúa mùa, đặc biệt là sâu keo mùa thu gây hại trên cây ngô ở vụ xuân muộn. Tuy nhiên, với sự lãnh chỉ đạo kịp thời của cấp Ủy Đảng, Chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội từ xã đến thôn; cùng sự cố gắng nỗ lực của bà con nông dân khắc phục khó khăn nên sản xuất ngành trồng trọt năm 2024 đã đạt được kết quả quan trọng, cụ thể:

1. Diện tích, năng suất, sản lượng:

- Tổng diện tích gieo trồng cây trồng chính trong năm 1.048,56 ha
- Tổng sản lượng lương thực ước đạt 3.661 tấn

2. Đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các biện pháp kỹ thuật, những ưu điểm, hạn chế trong sản xuất trồng trọt năm 2024:

a. Về công tác chỉ đạo, điều hành:

Công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền từ xã đến thôn tiếp tục được quan tâm, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ; chỉ đạo quyết liệt gieo trồng theo lịch thời vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, công tác chống hạn, chống úng, phòng trừ sâu bệnh hại; các ngành phục vụ sản xuất đã tham mưu kịp thời các biện pháp, giải pháp cụ thể để UBND chỉ đạo; sự chung tay vào cuộc của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã đặc biệt là sự chủ động, tích cực của bà con nhân dân trong toàn xã thực hiện gieo trồng cơ bản đúng cơ cấu giống chủ lực và thời vụ gieo cấy của huyện, xã.

b. Về thực hiện các biện pháp kỹ thuật, tổ chức sản xuất và triển khai tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt tiếp tục được quan tâm thực hiện:

+ Tiếp tục chỉ đạo theo hướng sử dụng các giống năng suất, chất lượng; cơ bản tập trung diện tích lúa xuân, lúa mùa. Cây ngô và các loại cây màu khác sử dụng các giống có năng suất, chất lượng, giống biến đổi gen kháng sâu bệnh, bố trí các loại cây trồng trên chân đất phù hợp.

+ Chủ động bố trí đất chuyên gieo mạ, chăm sóc tốt để có mạ non, khỏe; Tăng cường chỉ đạo và hướng dẫn nhân dân bón phân, chăm sóc theo quy trình kỹ thuật.

+ Tăng cường tập huấn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật, đặc biệt là sự chủ động phối hợp kịp thời của các ngành phục vụ sản xuất, đài truyền thanh trong việc thông tin, hướng dẫn để nông dân biết và thực hiện.

+ Các loại máy làm đất, máy gặt đập liên hợp, số lượng ngày càng nhiều đã góp phần giải quyết tốt thời vụ, lao động và đem lại hiệu quả kinh tế. Các dịch vụ tưới tiêu, dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp... được HTX tăng cường triển khai, thực hiện có hiệu quả.

3. Những hạn chế, tồn tại trong sản xuất ngành trồng trọt năm 2024:

+ Việc xây dựng và triển khai hình thức sản xuất liên kết theo chuỗi còn ít; quá trình thực hiện còn thụ động, chưa có những giải pháp, biện pháp thực hiện quyết liệt nên kết quả thực hiện thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu.

+ Vai trò cá nhân trong chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp nói riêng và ngành trồng trọt nói chung ở đơn vị phụ trách còn chưa thực sự quan tâm đúng mức, sự vào cuộc của MTTQ và các đoàn thể trong thực hiện kế hoạch trồng trọt chưa được trú trọng, xem đây là nhiệm vụ của chính quyền.

+ Công tác quản lý nhà nước về chất lượng giống cây trồng, vật tư nông nghiệp mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quản lý, kiểm tra giám sát; nhưng chưa chủ động, chưa thường xuyên kiểm tra thực hiện theo quy định.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2025

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025:

1. Thuận lợi, khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Sản xuất nông nghiệp nói chung và lĩnh vực trồng trọt nói riêng tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất từ Trung ương, tỉnh, huyện tiếp tục được triển khai, thực hiện.

- Các loại dịch vụ đầu vào được đáp ứng kịp thời với chất lượng tốt, các loại dịch vụ đầu ra ở một số loại sản phẩm đã được hình thành và đang được nhân rộng.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh như: Sửa chữa nâng cấp hồ, đập; kiên cố hóa kênh mương, đường nội đồng; tái tạo đồng ruộng vv...

- Một số mô hình cho hiệu quả kinh tế cao, ổn định là cơ sở để chỉ đạo ở các vụ tiếp theo.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh; cơ giới hoá trong sản xuất tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu sản xuất trồng trọt năm 2025.

1.2. Khó khăn:

- Biến đổi khí hậu và diễn biến thời tiết bất thường tiếp tục gây khó khăn cho sản xuất trồng trọt; thị trường tiêu thụ khó khăn và giá các loại nông sản vẫn ở mức thấp ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư thâm canh của bà con nông dân đối với sản xuất trồng trọt.

- Diện tích sản xuất các loại cây trồng nói chung hầu hết là nhỏ lẻ, manh mún, lao động trong nông nghiệp thiếu hụt, nhất là vào các thời điểm làm đất, gieo trồng cũng gây nhiều khó khăn cho sản xuất trồng trọt.

- Vật tư phục vụ sản xuất tăng giá; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với sự tham gia của doanh nghiệp, áp dụng sản xuất an toàn còn yếu và thiếu đã tác động đến tâm lý và sự tham gia của người dân. Quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, cùng với tâm lý giữ đất, bảo thủ của người dân tác động đến việc mở rộng và phát triển các mô hình sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn, công nghệ cao.

- Sâu bệnh hại cây trồng diễn biến phức tạp, đa dạng, đa thực; nhất là bệnh đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, rầy nâu, trên cây lúa; sâu keo Mùa Thu gây hại cây ngô đã và đang gây hại trên một số giống chủ lực.

2. Mục tiêu kế hoạch sản xuất năm 2025:

Năm 2025 là năm cuối của kế hoạch phát triển sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, ngành nông nghiệp cùng với các ngành, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo và cả giai đoạn 2025 - 2030. Cụ thể:

+ Diện tích, năng suất, sản lượng: Tổng diện tích gieo trồng đạt 1.079,3 ha trở lên, trong đó: (Vụ Đông Xuân đạt 591,37 ha trở lên; Vụ Thu - Mùa đạt 339,93 ha trở lên. Vụ Đông đạt 148 ha trở lên)

+ Tổng sản lượng lương thực ước đạt: 3.449 tấn trở lên, trong đó: (Vụ Đông đạt 425 tấn trở lên; Vụ Đông Xuân đạt 1.576 tấn trở lên; Vụ Thu - Mùa đạt 1.448 tấn trở lên).

3. Kế hoạch chi tiết diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính và giao chỉ tiêu kế hoạch cho các thôn.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành và hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sản xuất trồng trọt:

Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền tập trung để triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, định hướng, kế hoạch sản xuất chủ yếu vào các nội dung:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án sản xuất kịp thời với mục tiêu và các giải pháp cụ thể.

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cập nhật diễn biến tình hình thời tiết, sâu bệnh hại cây trồng,... đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Chú trọng chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn theo nghị quyết số 13-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức sản xuất theo chuỗi; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Chỉ đạo thực hiện chuyên đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả cao hơn.

2. Bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ; ứng dụng các TBKT và cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp:

Đẩy mạnh chỉ đạo, hướng dẫn nông dân lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng thôn, từng chân đất. Mở rộng diện tích các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận; ưu tiên sử dụng các giống ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và có thị trường tiêu thụ.

Đối với sản xuất lúa: Vụ Xuân tăng cường chỉ đạo gieo cấy trà lúa xuân muộn; lúa Mùa sớm để hạn chế ảnh hưởng bất thuận của thời tiết, sâu bệnh và tăng quỹ đất để mở rộng sản xuất vụ đông năm sau. Mỗi thôn chỉ nên cơ cấu từ 2-3 giống lúa chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích hợp với điều kiện thời tiết và kháng các loại sâu bệnh chủ yếu.

Đẩy mạnh sản xuất vụ Đông; ưu tiên mở rộng diện tích các loại cây trồng ở vụ Đông sớm (ưa ẩm) và có giá trị hàng hóa cao như: Ngô thương phẩm, ngô làm thức ăn chăn nuôi, ngô ngọt, rau đậu các loại, khoai lang Nhật, bí xanh, ớt... Mở rộng diện tích gieo trồng các loại cây màu vụ Đông có giá trị kinh tế cao như: hành tỏi, khoai tây... để đảm bảo mục tiêu diện tích vụ Đông và tăng thu nhập cho nông dân.

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; ứng dụng quy trình tưới nước tiết kiệm, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”; “3 giảm, 3 tăng” (ICM) và dần áp dụng quy trình thực hiện sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn (VietGAP).

Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ hợp lý, quy trình kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn thực phẩm.

3. Tập trung chỉ đạo, tổ chức sản xuất với quy mô lớn, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất:

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu mô hình tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn có hiệu quả; vận động và khuyến khích nông dân tham gia tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật nhằm nhân rộng mô hình sản xuất quy mô lớn gắn với tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt; thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường hình thành các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, sản xuất theo hợp đồng, đáp ứng nhu cầu thị trường; quan tâm chế biến, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể bao gồm tổ hợp tác và hợp tác xã. Nhân rộng mô hình liên kết giữa HTX, hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản trên cơ sở cùng có lợi. Phân đầu 50% số thôn trong xã xây dựng được ít nhất 01 mô hình liên kết đầu tư sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất về vật tư nông nghiệp.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp; nhất là tăng cường kiểm tra đột xuất, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đồng thời công bố trên hệ thống loa truyền thanh của xã những cơ sở vi phạm; đảm bảo nguồn vật tư chất lượng (giống, phân bón, thuốc BVTV...) phục vụ sản xuất.

5. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương như Nghị định 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh nhân rộng các mô hình tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết 192/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025; Ngoài chính sách của trung ương, của tỉnh, huyện tiếp tục ban hành các cơ chế nhằm khuyến khích phát triển trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các mô hình phát triển sản xuất trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Công chức Địa chính Nông nghiệp, cán bộ Khuyến nông viên:

Tham mưu xây dựng, triển khai Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2025 của xã và phương án sản xuất cụ thể ở các vụ trong năm; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sinh trưởng phát triển của cây trồng để kịp thời tham mưu các biện pháp chỉ đạo sản xuất; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Báo cáo, tham mưu kịp thời cho UBND xã – BCD sản xuất trong các trường hợp cần thiết để chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Phối hợp với Trung tâm học tập cộng đồng làm tốt công tác tập huấn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật canh tác, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, thăm đồng, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn; không để sâu, bệnh hại phát sinh thành dịch. Hướng dẫn cho nông dân tổ chức chăm sóc cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt đạt năng suất cao nhất. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình sản xuất theo kế hoạch.

2. Công chức Địa chính xây dựng và môi trường:

Phối hợp với Công chức Địa chính Nông nghiệp tập trung chủ đạo trong việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả, hiệu quả thấp sang trồng các cây trồng khác đúng quy định và đạt hiệu quả cao.

Hướng dẫn quy trình, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất mà tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu chuyển nhượng, dồn điền, đổi thửa để tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo nghị quyết 13-NQ/TU.

3. Công chức Tài chính KT:

Tham mưu cho UBND xã bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ kích cầu phát triển sản xuất trồng trọt, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; chủ trì phối hợp với Công chức Địa chính Nông nghiệp, các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện các cơ chế, chính sách đúng mục đích, đạt hiệu quả cao nhất.

4. Hợp tác xã dịch vụ:

Với chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch công tác nhằm bảo đảm tốt các điều kiện khâu dịch vụ để phục vụ sản xuất kịp thời, hiệu quả.

Thường xuyên kiểm tra, phát hiện hư hỏng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi để đáp ứng kịp thời nhu cầu nước cho làm đất, gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Xây dựng và triển khai phương án tưới, tiêu hợp lý; nạo vét kênh mương trước mùa mưa bão và mùa khô, khơi thông dòng chảy để tiêu thoát tốt vào mùa mưa nhằm phát huy tốt năng lực tưới, tiêu của các công trình thủy lợi.

5. Đài truyền thanh xã: Phối hợp với cán bộ chuyên môn để tuyên truyền các biện pháp kỹ thuật, tiến độ sản xuất, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại và các biện pháp chỉ đạo, điều hành của UBND xã.

6. Đối với các thôn:

Xây dựng quy hoạch vùng, kế hoạch chuyển đổi diện tích phù hợp với điều kiện phát triển vùng, thửa; để lập kế hoạch cơ bản về sản xuất ngành trồng trọt năm 2025 của thôn mình và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất; có phương án chủ động đối phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan:

UBND xã đề nghị Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; được Ban thường vụ Đảng ủy phân công chỉ đạo thôn: Với chức năng, nhiệm vụ được giao, giành nhiều thời gian xuống cơ sở, để tuyên truyền và tham gia tích cực trong việc xây dựng các chỉ tiêu, biện pháp sản xuất trồng trọt năm 2025, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Trên đây là kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2025, trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về UBND xã để có biện pháp chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng NN&PTNT (báo cáo);
- TT. Đảng ủy, TT.HĐND xã (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UB MTTQ và các đoàn thể xã (phối hợp t/h);
- Công chức chuyên môn liên quan (thực hiện);
- Các thôn (thực hiện);
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Chung

Phụ lục 1: Tổng hợp kết quả sản xuất một số cây trồng chính năm 2024

Đơn vị tính: ha

Loại cây trồng	Cả năm	Vụ Đông (2023 – 2024)	Vụ Đông xuân 2024	Vụ Thu Mùa (ước)
Tổng diện tích gieo trồng một số cây trồng chính các vụ và cả năm 2024	1.048,56	144,18	564,45	339,93
Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt	3.661	436,0	1.777	1.448
1. Cây lúa				
- Diện tích (ha)	401,86	0	200,93	200,93
- Năng suất (tạ/ha)	67,5	0	75	60
- Sản lượng (tấn)	2.712	0	1.507	1.205
2. Cây ngô				
- Diện tích (ha)	195,18	87,18	54,0	54,0
- Năng suất (tạ/ha)	48,4	50	50	45
- Sản lượng (tấn)	949,0	436,0	270,0	243,0
3. Khoai lang				
- Diện tích (ha)	15	15		
- Năng suất (tạ/ha)	52	52		
- Sản lượng (tấn)	78	78		
4. Cây lạc				
- Diện tích (ha)	10,7		10,7	
- Năng suất (tạ/ha)	17,3		17,3	
- Sản lượng (tấn)	28		28	
5. Cây Củ đậu				
- Diện tích (ha)	35			35
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
6. Cây dừa gai	17,0			
- Diện tích (ha)				
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
7. Rau các loại				
- Diện tích (ha)	115,53	42,0	23,53	50,0
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
8. Cây Mía				
- Diện tích (ha)	46,0		46,0	
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
9. Cây Sắn				
- Diện tích (ha)	6,0		6,0	
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
10. Cây Gai Xanh				
- Diện tích (ha)	10,24		10,24	
11. Cây trồng khác				
- Diện tích (ha)	213,05		213,05	

Phụ lục 2: Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng toàn xã năm 2025:

Đơn vị tính: ha

Loại cây trồng	Cả năm	Vụ Đông (2024 – 2025)	Vụ Đông xuân 2025	Vụ Thu Mùa 2025
Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng chính các vụ và cả năm 2025	1.079,3	148	591,37	339,93
Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt	3.449,5	425	1.576	1.448,5
1. Cây lúa				
- Diện tích (ha)	401,86	0	200,93	200,93
- Năng suất (tạ/ha)	60	0	65	60
- Sản lượng (tấn)	2.511,5	0	1.306,0	1.205,5
2. Cây ngô				
- Diện tích (ha)	193,0	85,0	54,0	54,0
- Năng suất (tạ/ha)	48	50	50	45
- Sản lượng (tấn)	938,0	425	270	243
3. Khoai lang				
- Diện tích (ha)	15	15		
- Năng suất (tạ/ha)	50	50		
- Sản lượng (tấn)	75	75		
4. Cây lạc				
- Diện tích (ha)	10		10	
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
5. Cây Củ đậu				
- Diện tích (ha)	35			35
- Năng suất (tạ/ha)				-
- Sản lượng (tấn)				-
6. Cây Sắn				
- Diện tích (ha)	6		6	
- Năng suất (tạ/ha)			-	
- Sản lượng (tấn)			-	
7. Rau đậu các loại				
- Diện tích (ha)	140,5	48	47	50
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
8. Cây mía				
- Diện tích (ha)	46		46	
- Năng suất (tạ/ha)			-	-
- Sản lượng (tấn)			-	-
9. Cây dừa gai				
- Diện tích (ha)	10,24		10,24	
- Năng suất (tạ/ha)				
- Sản lượng (tấn)				
10. Cây trồng khác	217,2		217,2	

Phụ lục 03: Kế hoạch diện tích gieo trồng một số cây trồng chính các thôn năm 2025

Đơn vị tính: ha

T T	Loại cây trồng	Lúa	Ngô	Khoai lang	Lạc	Rau màu, Đậu các loại	Cây Mía	Cây Củ đậu	Cây Sắn	Cây Gai xanh
										Lưu gốc
	Đơn vị/tổng	401,86	193	15	10	140	46,00	30	6	10,24
1	Do Thượng	48,0	34,0	2	0,5	13,0	0,50	0	2	0,10
2	Do Trung	67,5	54,0	3	1,0	20,0	1,00	0	1	3,30
3	Phiên Thôn	47,2	34,0	2	2,0	15,0	2,00	0	0	5,29
4	Trung Hà	62,5	18,0	2	0	18,0	12,00	0	0	0,00
5	Phú Xuân	98,84	29,0	2	0	18,0	10,50	0	0	0,00
6	Eo Lê	49,4	22,0	2	0	19,5	10,00	0	0	0,00
7	Phúc Tân	0,00	0	0	2,5	18,0	0	11,0	1	0,00
8	Phúc Mỹ	0,00	0	0	4,0	18,0	0	19,0	2	0,55
9	Đất 5%	28,42	2,00	0	0	0	10,00	0	0	1,00